

Phụ lục
Số lượng, tiêu chuẩn tuyển dụng viên chức năm 2025
(Kèm theo Kế hoạch số/TB-BVYHCTBP ngày/...../2025 của Bệnh viện Y học cổ truyền Bình Phước)

Stt	Vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp		Tiêu chuẩn				Số lượng cần tuyển
		Hạng	Mã số	Chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học	Tiêu chuẩn khác	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Bác sĩ hạng III	III	V.08.01.03	Bác sĩ Y học cổ truyền	Có văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận thể hiện năng lực ngoại ngữ	Có văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận thể hiện kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc tương đương	Theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 41/2025/TT-BYT ngày 03/11/2025 của Bộ Y tế quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ, bác sĩ y học dự phòng, y sĩ	6
2	Bác sĩ hạng III	III	V.08.01.03	Bác sĩ có chứng chỉ cơ bản về hồi sức cấp cứu trở lên	Có văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận thể hiện năng lực ngoại ngữ	Có văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận thể hiện kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc tương đương	Theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 41/2025/TT-BYT ngày 03/11/2025 của Bộ Y tế quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ, bác sĩ y học dự phòng, y sĩ	1
3	Bác sĩ hạng III	III	V.08.01.03	Bác sĩ đa khoa	Có văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận thể hiện năng lực ngoại ngữ	Có văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận thể hiện kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc tương đương	Theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 41/2025/TT-BYT ngày 03/11/2025 của Bộ Y tế quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ, bác sĩ y học dự phòng, y sĩ	1

4	Kỹ thuật Y hạng III	III	V.08.07.18	Cử nhân Kỹ thuật phục hồi chức năng	Có văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận thể hiện năng lực ngoại ngữ	Có văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận thể hiện kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc tương đương	Theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 02/2025/TT-BYT ngày 09/01/2025 của Bộ Y tế quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	4
5	Kỹ thuật Y hạng IV	IV	V.08.07.19	Cao đẳng Kỹ thuật phục hồi chức năng	Không yêu cầu	Không yêu cầu	Theo quy định tại Điều 14 Thông tư số 02/2025/TT-BYT ngày 09/01/2025 của Bộ Y tế quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	4
6	Điều dưỡng hạng III	III	V.08.05.12	Cử nhân Điều dưỡng	Có văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận thể hiện năng lực ngoại ngữ	Có văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận thể hiện kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc tương đương	Theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 02/2025/TT-BYT ngày 09/01/2025 của Bộ Y tế quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	9
7	Điều dưỡng hạng IV	IV	V.08.05.13	Cao đẳng Điều dưỡng	Không yêu cầu	Có văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận thể hiện kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc tương đương	Theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 02/2025/TT-BYT ngày 09/01/2025 của Bộ Y tế quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	6

8	Dược sĩ (hạng III)	III	V.08.08.22	Đại học nhóm ngành Dược học	Có văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận thể hiện năng lực ngoại ngữ	Có văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận thể hiện kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc tương đương	Theo quy định tại Điều 6 Văn bản hợp nhất số 09/VBHN-BYT ngày 14/10/2022 của Bộ Y tế ban hành hợp nhất Thông tư quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dược	1
9	Dược hạng IV	IV	V.08.08.23	Cao đẳng Dược	Không yêu cầu	Có văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận thể hiện kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc tương đương	Theo quy định tại Điều 7 Văn bản hợp nhất số 09/VBHN-BYT ngày 14/10/2022 của Bộ Y tế ban hành hợp nhất Thông tư quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dược	1
10	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	III	01.003	Cử nhân luật	Có văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận thể hiện năng lực ngoại ngữ	Có văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận thể hiện kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc tương đương	Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước ngạch chuyên viên và tương đương	1
11	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	III	01.003	Cử nhân luật	Có văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận thể hiện năng lực ngoại ngữ	Có văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận thể hiện kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc tương đương	Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước ngạch chuyên viên và tương đương	1

12	Văn thư viên	III	02.007	Tốt nghiệp đại học ngành hoặc chuyên ngành văn thư - lưu trữ, lưu trữ học	Có văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận thể hiện năng lực ngoại ngữ	Có văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận thể hiện kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc tương đương	Theo quy định tại Điều 11 Văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BNV ngày 19/7/2022 của Bộ Nội vụ ban hành hợp nhất Thông tư quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư	1
13	Công nghệ thông tin hạng III	III	V. 11.06.14	Cử nhân công nghệ thông tin	Có văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận thể hiện năng lực ngoại ngữ	Không yêu cầu	Theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 08/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin, an toàn thông tin	1
14	Kế toán viên (hạng III)	III	V. 06.031	Cử nhân thuộc chuyên ngành kế toán, kiểm toán, tài chính	Có văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận thể hiện năng lực ngoại ngữ	Có văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận thể hiện kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc tương đương	Theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 66/2024/TT-BTC ngày 06/9/2024 của Bộ Tài chính quy định chức danh, mã số, tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ chức danh nghề nghiệp chuyên ngành kế toán và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ kế toán viên lên kế toán viên chính trong đơn vị sự nghiệp công lập	1

15	Kế toán viên trung cấp (hạng IV)	IV	V. 06.032	Cao đẳng thuộc chuyên ngành kế toán, kiểm toán, tài chính	Không yêu cầu	Có văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận thể hiện kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc tương đương	Theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 66/2024/TT-BTC ngày 06/9/2024 của Bộ Tài chính quy định chức danh, mã số, tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ chức danh nghề nghiệp chuyên ngành kế toán và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ kế toán viên lên kế toán viên chính trong đơn vị sự nghiệp công lập	1
----	----------------------------------	----	-----------	---	---------------	--	--	---

***Lưu ý:**

1. Nếu có một trong các văn bằng chứng chỉ sau thì được sử dụng thay thế trong yêu cầu về trình độ ngoại ngữ:

a) Có bằng tốt nghiệp chuyên ngành ngoại ngữ (Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc hoặc ngoại ngữ khác) cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển.

b) Có bằng tốt nghiệp cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển, học tập ở nước ngoài hoặc học bằng tiếng nước ngoài (Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc hoặc ngoại ngữ khác) ở Việt Nam, được cơ quan có thẩm quyền công nhận hoặc đương nhiên được công nhận theo quy định của pháp luật.

c) Có bằng tốt nghiệp chuyên môn chuẩn đầu ra về ngoại ngữ theo quy định có giá trị tương đương hoặc cao hơn tiêu chuẩn về ngoại ngữ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển.

2. Quy đổi đối với trình độ tin học: Các chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C trước đây có giá trị sử dụng tương đương với chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin.

3. Trường hợp chưa có Chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp được bổ sung trong thời hạn 6 tháng sau khi trúng tuyển.